**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**BÀI : EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ ? (2 Tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS viết được số thành tổng theo các hàng, tìm được số liền sau của một số, xác định được số chẵn; xác định được phân số của một nhóm đối tượng bằng việc chia thành các phần đều nhau qua hình ảnh trực quan; thực hiện được các phép tính trong phạm vi 100000; nhớ được vai trò của số 0 trong phép cộng và phép nhân; nhận biết các số trong phạm vi 90 chia hết cho 9 bằng cách dựa vào bảng nhân, bảng chia 9.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến các phép tính đã học và tiền Việt Nam.

- HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học và các phẩm chất nhân ái, trách nhiệm.

**2. Năng lực chung.**

- Tự học – Tự giải quyết vấn đề: HS nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề trong các hoạt động của bài học.

- Giao tiếp – hợp tác: Hs thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

**3. Phẩm chất.**

- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Hình ảnh cho bài Luyện tập 2 và Thử thách (nếu cần).

- HS: SGK, bảng con, bút lông, nháp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút) Trò chơi “Đố bạn”**  a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức cả lớp | |
| - GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi  - GV viết một số bất kì trong phạm vi 100 000 lên bảng. HS đọc số, cho biết đó là số chẵn hay số lẻ, rồi viết số liền sau vào bảng con. Ví dụ: 913 → Chín trăm mười ba → Số lẻ →914 là số liền sau nó.  - Tổng kết trò chơi dẫn dắt giới thiệu bài. | - HS tham gia trò chơi  - Lần lượt như thế cho khoảng 3 HS tham gia chơi. Cả lớp theo dõi, cổ vũ và nhận xét, bổ sung. |
| **2. Hoạt động Luyện tập (20 phút)** | |
| **Bài 1:** HĐ cả lớp  - GV (hoặc một HS) đọc từng câu  - Cả lớp suy nghĩ, chọn thẻ Đ/S (hoặc viết Đ/S vào bảng con) rồi giơ lên theo hiệu lệnh của GV (khuyến khích HS giải thích)  **Bài 2**  - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ nhóm đôi.  - GV gợi ý thêm Hình C cho HS biết là phần tô màu là 3/5.  **Bài 3**:  - GV cho HS đọc yêu cầu.  - HS thảo luận (nhóm đôi) tìm hiểu bài, xác định các việc cần làm: Đặt tính rồi tính.  - HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  - Sửa bài, GV cho HS trình bày theo nhóm (mỗi nhóm phép tính).  Lưu ý: GV có thể đọc từng phép tính cho HS thực hiện vào bảng con. | **Hđ cả lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu  Ví dụ: a) Đ; b) Đ; c) Đ;  d) S (vì một số khi nhân với 0 thì bằng 0);  e) S (các số có chữ số tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8 là số chẵn).  **HĐ cá nhân, chia sẻ nhóm đôi**  1 đến 2 HS đọc  - Hs giải thích vì sao đã tô màu vào ½ số con vật ở hình A và hình B.  - Chia số con vật ở hình A thành hai phần bằng nhau, tô màu 1 phần.  - Vậy đã tô màu ½ số con vật ở hình A.  **HS làm việc cá nhân vào vở**  69781 5083  +  -  8154 78  77935 4905  4207 8225 6  X  8 22 1370  33656 42  05  5 |
| **3 Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (5 phút):**  a. Mục tiêu: HS thực hành gấp ngôi sao và chia số ngôi sao theo yêu cầu bài toán.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: nhóm 6 | |
| **Vui học:**  - GV cho HS đọc yêu cầu.  - HS thảo luận (nhóm 6) tìm hiểu bài, tìm cách làm  a) Sau khi Thu và Thảo cho Thành, tổng số ngôi sao vẫn là 405 và số ngôi sao này được chia thành 3 phần bằng nhau. Tìm số ngôi sao 1 phần.  b) Trước khi cho Thành 15 ngôi sao, Thu có bao nhiêu ngôi sao?  - Trước khi cho Thành 10 ngôi sao, Thảo có bao nhiêu ngôi sao?  - Trước khi được Thu và Thảo cho thêm ngôi sao, Thành có bao nhiêu ngôi sao?  Hay số ngôi sao (Thu + Thảo + Thành) = 405 ngôi sao, biết số ngôi sao của Thu và Thảo sẽ tìm được số ngôi sao của Thành.  - HS thảo luận và làm bài  - Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều nhóm trình bảy. | **Hs thảo luận và báo cáo:**  Số ngôi sao 1 phần có là:  a) 405 : 3 = 135 (ngôi sao)  b) Số ngôi sao của Thu – 15 ngôi sao = 135 ngôi sao  - Số ngôi sao của Thảo – 10 ngôi sao = 135 ngôi sao  - Số ngôi sao của Thành + (15 + 10) ngôi sao = 135 ngôi sao |
| **4. Hoạt động Luyện tập (20 phút):**  a. Mục tiêu: Giải được bài toán thực hiện được các phép tính trong phạm vi 100000; và bước đầu tìm hiểu về dấu hiệu chia hết cho 9.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: cá nhân, cả lớp, nhóm 4, hỏi đáp. | |
| **Bài 4:**  **Bước 1: Tìm hiểu bài toán.**  - GV yêu cầu HS đọc bài trong SGK (hoặc trình chiếu)  - HS vấn đáp xác định cái đã cho và cái phải tìm.  + Đề bài cho biết gì?  + Đề bài hỏi gì?  **Bước 2: Tìm cách giải bài toán.**  - HS thảo luận cách thức tính.  - GV nên giúp HS dùng đường lối Phân tích hay Tổng hợp để tìm cách giải bài toán.  Chẳng hạn: Hỏi số tiền của Minh → Nửa tổng số tiến của Hà và Huế (nửa tổng là sao?)  Tìm tổng số tiền của Hà và Huế rồi chia cho 2.  **Bước 3: Giải bài toán**  **Bước 4: Kiểm tra lại.**  GV giúp HS kiểm tra: 72 000: 2 = 36000  Minh mang theo 36 000 đồng.  - Các số tham gia phép tính có đúng với đề bài không?  - Phép tính có phù hợp với vấn đề cần giải quyết không?  - Kết quả  - Câu trả lời.  **Bài 5:**  a) HS thảo luận nhóm bốn tìm cách làm  Có thể xuất hiện nhiều cách:  • Viết các số từ 1 đến 90 rồi khoanh vào các số chia hết cho 9.  • Dựa vào bảng nhân (các tích trong bảng chia hết cho 9).  • Dựa vào bảng chia (các số bị chia trong bảng chia hết cho 9).  - Sửa bài, GV khuyến khích các nhóm trình bày cách làm.  - Dựa vào kết quả các số vừa tìm được, GV khái quát hoá Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9.  b) Yêu cầu HS làm vào bảng nhóm và giải thích cách làm.  - GV chốt dấu hiệu chia hết cho 9. | **Hđ cả lớp, sau đóHS làm vào vở**  - HS đọc đề bài (hai HS đọc, cả lớp đọc thầm theo).  + Hà mang theo 24 000 đồng; Huế mang theo 48 000 đồng; số tiền của Minh bằng một nửa tổng số tiền của Hà và Huế)  + Minh mang theo bao nhiêu tiền?  *Bài giải*  Tổng số tiền của Hà và Huế là  24 000 + 48 000 = 72 000 (đồng)  Số tiền của Minh là:  72 000 : 2 = 36 000 (đồng)  Đáp số: 36 000 đồng  - Hs giải vào vở  - HS kiểm tra lại vào vở nháp  Hs thảo luận nhóm bốn ghi kết quả vào bảng phụ:  a) Trong các số từ 1 đến 90, những số chia hết cho 9 là: 9; 18; 27; 36; 45; 54; 63; 72; 81; 90  b) Để các số 3; 4; chia hết cho 9 thì tổng các chữ số phải chia hết cho 9. Thêm chữ số 6 vào sau chữ số 3 vì 3 + 6 = 9; 36 : 9 = 4. Thêm chữ số 5 vào sau chữ số 4 vì 4 + 5 = 9; 45 : 9 = 5. |
| **\* Hoạt động Thử thách và phát triển năng lực toán học: (10 phút)**  a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: … | |
| **Thử thách**  - GV vấn đáp để giúp HS nhận biết trong các số từ 3 đến 30, những số nào chia hết cho 3.  3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30  - Dựa vào kết quả các số vừa tìm được, tìm các hộp có số đồ chơi chia hết cho 3.  - GV cho HS thảo luận (nhóm bốn) xác định các hộp đồ chơi có giá tiến chia hết cho 3 (mỗi HS/phép tính).  → Những hộp đồ chơi nào vừa có giá tiền chia hết cho 3, vừa có số đồ chơi chia hết cho 33  Mở rộng: GV có thể cho HS nhận biết các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3.  - Tổng kết, dặn dò. | Hộp 1: 20 cái giá 45 000 đồng/hộp  Hộp 2: 10 cái giá 57 500 đồng/hộp  Hộp 3: 18 cái giá 48 000 đồng/hộp  Hộp 4: 12 cái giá 34 000 đồng/hộp  - Hs thảo luận nhóm 6 để tìm kết quả đúng và ghi vào bảng nhóm.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  - Theo dõi, nhận xét đánh giá bạn. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................